

Bản án số: **02** /2019/HNGĐ - ST

Ngày 24/01/2019

V/v: *Tranh chấp HN- GD*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Dệt

2. Bà Nguyễn Thị Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên -Thư ký TAND huyện Nông Cống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên

Ngày 24/01/2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2018/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc Ly hôn và nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST - DS ngày 14/01/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Ô, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Ô, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện chị L nộp ngày 10/12/2018 và quá trình giải quyết chị L trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh B xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu 2 năm, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn ngày 13/10/2015 tại UBND xã C, huyện N. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng bình thường, đến ngày 21/5/2017 mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Chị và anh B sống ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Hai bên không quan tâm đến nhau. Hiện chị không có thai nghén. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Nguyên vọng của chị xin được ly hôn anh B.

Tại bản tự khai ngày 02 tháng 01 năm 2019, bị đơn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị L xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N ngày 13/10/2015. Trước khi cưới anh và chị L đã chung sống với nhau như vợ chồng. Sau khi có bầu được 6 tháng anh, chị mới tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không được hòa thuận hạnh phúc. Tháng 10/2016 mâu thuẫn bắt đầu phát sinh. Nguyên nhân do tính tình không hợp, điều kiện kinh tế khó khăn. Chị L bàn với anh làm nhà ra ở riêng nhưng anh không đồng ý. Bởi vì bố anh đã mất chỉ còn mình mẹ già, anh không thể để mẹ ở một mình được. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị L đã bỏ đi làm ăn từ tháng 6/2017 đến 30/12/2017 mới về. Thời gian chị L về tình cảm vợ chồng không được hạnh phúc. Tháng 01/2018 chị L lại đi làm ăn tại thành phố Thanh Hóa. Trong thời gian làm tại thành phố Thanh Hóa, chị có quan hệ với người đàn ông khác, anh đã nhắc nhở nhiều lần nhưng không được. Vì vậy, tháng 5/2018 anh bỏ đi miền Nam làm ăn đến nay mới về. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay không quan tâm đến nhau. Hiện tại anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị L xin ly hôn, anh thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị L và anh B thống nhất trình bày vợ chồng có 01 con chung là M, sinh ngày 07/01/2016. Hiện đang ở với chị L.

Nguyên vọng của chị L xin được nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Nguyên vọng của anh B xin được nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L và anh B trình bày vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị L và anh B thống nhất thuận tình ly hôn. Về con chung hai bên đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản và công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm: Về Tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 48,49 Bộ luật TTDS. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại điều 70,71, bộ luật TTDS. Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh B. Về con chung: Giao cháu M, sinh ngày 07/01/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, phần cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu. Về tài sản và công nợ chung: Không

yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1} Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện N thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của chị L và anh B là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo quy định tại khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh B là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên xảy ra mâu thuẫn.

Đánh giá mâu thuẫn và thực trạng cuộc sống vợ chồng: chị L, anh B sống ly thân từ tháng 02/2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh B đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay chị L xin ly hôn, về phía anh B cũng thống nhất thuận tình ly hôn. Căn cứ điều 55 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

Về con chung: Chị L và anh B đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. HĐXX nhận thấy: Là người bố người mẹ, ai cũng muốn được nuôi con, đó là nguyện vọng chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi, phải căn cứ vào khả năng, điều kiện kinh tế của mỗi bên, xem xét đến môi trường sống, môi trường học tập dạy dỗ, tâm sinh lý và độ tuổi của con trẻ. Điều cốt yếu làm sao con trẻ có được một cuộc sống ổn định, đủ điều kiện để phát triển về thể chất, tinh thần và trí tuệ. Xét thấy, hai bên đều kê khai có thu nhập đủ để nuôi con. Tuy nhiên, cháu M, sinh ngày 07/01/2016 mới được 3 năm 17 ngày tuổi. Độ tuổi còn rất nhỏ, nên rất cần hơi ấm tình thương, sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Anh B làm nghề lái xe coteror ít khi ở nhà nên điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ khó khăn, môi trường sống không tốt bằng chị L. Từ khi hai bên sống ly thân tháng 02/2018 đến nay anh B không có trách nhiệm cấp tiền cho chị L nuôi con. Chị L làm công nhân ở Hà nội có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con, thực tế chị đã đưa cháu vào trường mẫu giáo học tập ổn định. Cháu M cần có sự ổn định về chỗ ở, tránh xáo trộn về tâm lý con trẻ. Do vậy, giao con cho chị L trực tiếp nuôi

dưỡng là phù hợp. Đảm bảo được quyền lợi chính đáng của con trẻ và người phụ nữ sau khi ly hôn.

Về tài sản và công nợ chung: Chị L và anh B không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị L làm đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng:* Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 điều 147, điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiểu mục 1.1, mục 1 phần II của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

- *Tuyên xử:*

Về Hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh B.

Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, sinh ngày 07/01/2016. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Chị L và anh B không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu số AA/2017/0001805 ngày 14/12/2018. Chấp nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho các đương sự trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS huyện N;
- TAND Tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND. Xã C;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Phạm Hữu Thắng

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN**

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Anh

Lê Thị Dệt

Phạm Hữu Thắng

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND. Xã Công Bình ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN**
TOÀ

Nguyễn Thị Anh

Lê Thị Dệt

Phạm Hữu Thắng

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh thanh Hoá;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- Đương sự;
- UBND xã Hoàng Giang
- Lưu hồ sơ 1, L10.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Hữu Thắng

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh thanh Hoá;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- Đương sự;
- UBND xã Hoàng Giang
- Lưu hồ sơ 1, L10.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Hữu Thắng

HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Tiến

Lê Thị Dệt

Phạm Hữu Thắng

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh thanh Hoá;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- Dương sự;
- UBND xã Hoàng Giang
- Lưu hồ sơ 1, L10.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Hữu Thắng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Tiên

Lê Thị Dệt

Phạm Hữu Thắng

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân tỉnh thanh Hoá;*
- *VKSND huyện Nông Cống;*
- *Chi cục THADS H. Nông Cống;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ 1, L10.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Hữu Thắng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Tiến

Lê Thị Dệt

Phạm Hữu Thắng

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ 1, L10.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Hữu Thắng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Minh Trí

Lê Thị Xuân

Phạm Hữu Thắng

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN HÈA GIẢI

Họm nay, vào hồi 9 giờ 30 phýt ngày 30 thông 8 năm 2017

Tại trụ sở Toà ỏn nhõn đồn huyện Nụng Cống tỉnh Thanh hoỏ tiến hành hũa giải đề các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 139/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 thông 8 năm 2017

I. Những người tiến hành tổ tụng:

Thẩm phỏn - Chủ trở phòn hợp: ềng Phạm Hữu Thắng

Thư ký Toà ỏn ghi biờn bản phòn hợp: Bà Doón Phương Liên

II. Những người tham gia phiên hợp:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị Mựi, sinh năm 1992

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tỏnh, sinh năm 1990

Cùng cư trú: Thõn Vạn Thành, xó Thắng Long, huyện Nụng Cống - Thanh Hóa.

PHÀN THỦ TỤC BẮT ĐẦU HỀ GIẢI

Thẩm phán phổ biến cho các đương sự về các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để đương sự liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mõnh, phõn tóch hậu quả phỏp lý của việc hũa giải thành để họ tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ ỏn.

Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

1. Về hụn nhõn:

Chị Lò Thị Mựi trởnh bày: Chị và anh Tỏnh xây dựng gia đõnh tròn cơ sở hoàn toàn tự nguyện tởm hiểu, tổ chức cưới được hai bên gia đõnh đồng ý và có đăng ký kết hôn tại UBND xó Cụng Liờm, huyện Nụng Cống 17/12/2012. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hũa thuận hạnh phýc được 4 thờ phỏt sinh mõu thuẫn. Nguyên nhân: Do lối sống và cách suy nghĩ của 2 người không hợp nhau, quan điểm về nuôi dạy con cũng khác. Vỡ vậy, trong cuộc sống mỗi người một ý dẫn đến cãi nhau. Gia đõnh 2 bờn đó động viên giàn xếp nhưng không được. Chị và anh Tỏnh sống ly thõn và chấm dứt quan hệ sinh lý từ thông 2/2017. Hiện chị khụng cú thai. Nguyên vọng của chị xột thấy tởnh cảm vợ chồng khụng cũn, mõu thuẫn đó trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, nên chị xin được ly hôn anh Tỏnh.

Anh Nguyễn Văn Tỏnh trởnh bày: Anh và chị Mựi xây dựng gia đõnh tròn cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tổ chức cưới có đăng ký kết hụn tại UBND xó Cụng

Liờm ngày 17/12/2012. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hũa thuận hạnh phực, đến tháng 3 năm 2017 mỗu thuấn phỏt sinh. Nguyên nhõn do tỏnh tỏnh khụng hợp, trong việc xỏy dựng kinh tẻ gia đõnh thờ mỗi người một ý khõng đi đến thõng nhất, cách cư xử của chị Mũi đối với gia đõnh chồng khụng đúng mực. Anh cũng như gia đõnh bờn nội đó khuyờn ngỏn nhiều nhưng khõng được, từ đó dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Chị Mũi về ngoại ở từ tháng 7/2017 đến nay khõng ai quan tâm đến ai và vợ chồng cũng chấm dứt quan hệ sinh lý từ đó. Hiện chị Mũi khụng cú thai. Nguyên vọng của anh đồng ý ly hũa với chị Mũi.

2. Về con chung:

Chị Mũi trõnh bày: Vợ chồng cú 1 con chung Nguyễn Thị Bảo Ngọc, sinh ngày 14/3/2014, chỏu khỏe mạnh và phỏt triển bõnh thường, từ nhỏ chỏu ở với chị đến ngày 04/8/2017 anh Tỏnh về đưa con ra Hà Nội ở cựng anh và bà nội. Nguyên vọng của chị xin được trực tiếp nuôi con khõng yêu cầu anh Tỏnh cấp dưỡng. Hiện nay chị đang làm tại thuê tại Hà Nội, thu nhập bõnh quõn 6.000.000đ/tháng. Dự kiến của chị sẽ về quờn mở cửa hàng buôn bán để tiện chăm sóc con, vớ con đang nhỏ cần phải có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ.

Anh Tỏnh trõnh bày: Vợ chồng cú 1 con chung Nguyễn Thị Bảo Ngọc, sinh ngày 14/3/2014 đang ở với anh. Chỏu khỏe mạnh và phỏt triển bõnh thường, Nguyên vọng của anh xin được được nuôi con, khụng yờu cầu chị Mũi cấp dưỡng. Hiện nay anh đang làm công trõnh xỏy dựng tại Hà Nội, thu nhập bõnh quõn 15.000.000đ/tháng (đó trừ chi phớ). Đầu tháng 8/2017 anh về quờ đưa con ra Hà Nội ở cựng anh và bà nội, hiện anh đó nhập học cho chỏu tại hà Nội.

3. Về tài sản và cựng nợ chung:

Chị Mũi trõnh bày: Hai bên đó tự thỏa thuận xong, khụng yờu cầu Tòa ỏn giải quyết.

Anh Tỏnh trõnh bày: Hai bên đó tự thỏa thuận xong , khụng yờu cầu Tòa ỏn giải quyết.

NHỮNG NỘI DUNG ĐÃ ĐƯỢC CÁC ĐƯƠNG SỰ

THÕNG NHẮT, KHỀNG THÕNG NHẮT

Nội dung cớc đương sự đó thõng nhất:

Về hũa nhũa: Anh, chị thõng nhất xin được ly hũa.

Về tài sản và công nợ chung: Hai bên đó tự thỏa thuận xong, khụng yờu cầu Tòa ỏn giải quyết.

Nội dung cớc đương sự khụng thõng nhất:

Về con: Chị Mụi, anh Tõnh đều xin được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

**NHỮNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG THEO YÊU CẦU
CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM GIA PHIÊN HÈA GIẢI**

Các đương sự không sửa đổi, bổ sung gì.

Phiên hĩa giải kết thúc vào hồi 10 giờ 50 phýt cụng ngày.

CÁC ĐƯƠNG SỰ
THAM GIA PHIÁN HÈA GIẢI

*(Ký tên, ghi rừ họ tên
Hoặc điểm chỉ)*

THƯ KÍ TỀA ÁN
GHI BIÁN BẢN PHIÁN HÈA GIẢI

(Ký tên, ghi rừ họ tên)

THẨM PHÁN
CHỦ TRÈ PHIÁN HÈA GIẢI

*(Ký tên, ghi rừ họ tên
đóng dấu)*

Đoán Phương Liờn

Phạm Hữu Thắng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NỂNG CỒNG
TỈNH THANH HOÁ

Số: 54/2017/QĐXXST-DS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nông Cống, ngày 01 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

ĐƯA VỤ ÁN RA XÉT XỬ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẴNG CỐNG - TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào Điều 48, Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 139 /2017/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đưa ra xét xử sơ thẩm vụ ỏn đồn sự về việc: “Ly hụn và nưoi con chung” giữa:

Nguyên đon: Chì Lờ Thì Mựi, sinh năm 1992

Bị đon: Anh Nguyễn Văn Tỏnh, sinh năm 1990

Cựng cư trú: Thôn Vạn Thành, xỏ Thẳng Long, huyện Nụng Cống, Thanh Húa.

Thời gian mở phiên toà 7 giờ 00 phỳt ngày 14 thỏng 9 năm 2017.

Địa điểm mở phiên toà: Trụ sở Tũa ỏn nhõn đồn huyện Nụng Cống.

Vụ án được xét xử công khai.

2. Những người tiến hành tố tụng:

Thẳm phỏn - Chủ tọa phiên toà: ểng Phạm Hữu Thẳng

Cỏc hội thẳm nhõn đồn: ểng Lờ Minh Trỏ

Bà Lờ Thì Xuõn

Hội thẳm nhõn đồn dự khuyết: Ông Lê Đức Thuận

Thư ký phiên toà: Bà Doón Phương Liên - Thư ký Toà ỏn nhõn đồn huyện Nụng Cống

Đại diện VKSND huyện Nụng Cống tham gia phiên tũa: ểng Đỗ Anh Quang.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nụng Cống;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Hữu Thẳng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NẴNG CỐNG
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIẢN BẢN GHI NHẬN
SỰ TỰ NGUYỆN LY HÔN VÀ HỮA GIẢI THÀNH

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 11 tháng 5 năm 2017

Xét thấy các đương sự thật sự tự nguyện ly hôn và đó thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề có tranh chấp trong vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 52/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2017.

Lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hứa giải thành các vấn đề có tranh chấp trong vụ án do các đương sự đó thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án; cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Kiều Thị Huyền và anh Nguyễn Văn Hải đều xét thấy tởn cảm vợ chồng khụng cũn, mẩu thuẫn đó trầm trọng, cuộc sống chung khụng thể kộ dài được nữa. Thực tế anh, chị sống ly thân và thôi quan hệ sinh lý từ tháng 6 năm 2015 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nguyên vọng của anh, chị đều xin được thuận tởn ly hôn.

Về con chung: Anh, chị thống nhất trờnh bày vợ chồng cú 1 con chung Nguyễn Gia Phước, sinh ngày 22/10/2009 đang ở với chị Huyền. Nay ly hôn anh, chị thống nhất thỏa thuận: Chị Huyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Hải cấp dưỡng.

Anh Hải có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và nợ chung: Anh, chị thống nhất thỏa thuận khụng yêu cầu Tòa ỏn giải quyết.

Về ỏn phớ: Chị Huyền tự nguyện xin chịu 150.000đ ỏn phí ly hôn. Anh Hải đồng ý.

Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hứa giải thành, nếu đương sự nào có thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận trờn đây thờ phải làm thành văn bản gửi cho Tòa ỏn. Hết thời hạn này, mà khụng cú đương

sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận trên, thờ Tũa ỏn ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

CÁC ĐƯƠNG SỰ
(Ký tên, ghi rõ họ tên
Hoặc điểm chỉ)

THƯ KÍ TỀÀ ÁN
GHI BIỂN BẢN
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN
(Ký tên, ghi rõ họ tên,
đồng dấu)

Doón Phương Liên

Phạm Hữu Thắng

Nông Cống ngày 29 tháng 9 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hôm nay, ngày 29/9/2015 vào hồi h phút. Tại phòng nghị án .

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Trí

Bà Nguyễn Thị Hoàng Nga

Tiến hành nghị án vụ án kiện xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Vương - Sinh năm 1983 (Có mặt).

Nơi ĐKNKTT: Thôn Hữu Kiệm xã Tế Lợi huyện Nông Cống - Thanh Hoá.

Nghề nghiệp: Làm ruộng

Bị đơn: Chị Lê Thị Thương - Sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Nơi ĐKNKTT: Thôn Hữu Kiệm xã Tế Lợi huyện Nông Cống - Thanh Hoá.

Hiện đang tạm trú tại: Số nhà 32 - Tổ 1 - Khu phố 3 - P. Long Bình Tân -
Thành phố Biên Hoà tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Công nhân.

NỘI DUNG NGHỊ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: HĐXX xác định anh Vương và chị Thương lấy nhau có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn là do hai bên tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hai bên sống ly thân từ ngày 12/1/2014 đến nay không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình nghĩa vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Thương cũng nhất trí ly hôn, do vậy cho anh Vương và chị Thương được ly hôn là phù hợp.

HĐXX thống nhất biểu quyết 3/3 = 100% cho ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho anh Vương trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Lê Hà Châu, sinh ngày 15/7/2012. Chị Thương không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Thương có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

HĐXX thống nhất biểu quyết 3/3 = 100%.

3. Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn Vương phải chịu 200.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2011/00259 ngày 11/8/2015. Chấp nhận anh Vương đã nộp đủ tiền án phí DSST.

HĐXX thống nhất biểu quyết 3/3 = 100%

5. Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho nguyên đơn, bị đơn trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

HĐXX thống nhất biểu quyết 3/3 = 100%

6. Điều luật áp dụng: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 199, khoản 4 điều 131, điều 243, khoản 1 điều 245 Bộ luật TTDS năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011; Khoản 8 điều 27, khoản 1 mục I Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009.

HĐXX thống nhất biểu quyết 3/3 = 100%.

Biên bản lập xong đọc lại cho các thành viên HĐXX nghe và công nhận biên bản ghi đúng ý kiến của họ và thống nhất ký tên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

LÊ MINH TRÍ NGUYỄN THỊ HOÀNG NGA

PHẠM HỮU THẮNG